

Số: 214/2023/QĐST-HNGĐ

Cl, ngày 29 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ hôn nhân gia đình thụ lý số: 212/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S - sinh năm 1964; địa chỉ: ấp LĐ, xã PS, huyện CL, tỉnh BT.

Bị đơn: Bà Phan Thị Kiều Ch - sinh năm 1966; địa chỉ: ấp LĐ, xã PS, huyện CL, tỉnh BT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Thùy V - Là Luật sư Văn phòng luật sư Lê Thùy V thuộc Đoàn luật sư tỉnh VL.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1951; địa chỉ: ấp LĐ, xã PS, huyện CL, tỉnh BT.

- Bà Dương Thị H - sinh năm 1975; địa chỉ: 231 kp3, thị trấn MC, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Bà Ngô Thị Th - sinh năm 1971; địa chỉ: khu phố BK, phường 6, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Bà Ngô Thị Thu ủy quyền cho bà Nguyễn Thụy Hồng Thắm).

- Bà Trần Thị K - sinh năm 1970; địa chỉ: ấp TA, xã TX, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - chi nhánh huyện CL; Người được ủy quyền: bà Đoàn Thị Ngân Đ Chức vụ: Phó Giám đốc Agribank Chi nhánh CL.

- Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh BT - phòng giao dịch huyện CL; Đại diện: ông Lê Huy Vũ - Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện CL.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 59, 60, 62 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và hòa giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về tài sản chung:

Ông Nguyễn Văn S và bà Phan Thị Kiều Ch thống nhất thoả thuận chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

Ông Nguyễn Văn S được toàn quyền sử dụng, định đoạt toàn bộ phần đất và tài sản trên đất có diện tích 2917,9m² thuộc thửa 242, tờ bản đồ số 08 xã PS, huyện Cl, tỉnh BT có tứ cận:

- Đông giáp thửa 347, tờ bản đồ số 08 của Nguyễn Huy Anh K.
- Nam giáp thửa 599, tờ bản đồ số 14 của Trương Tuyết Ch.
- Tây giáp thửa 243, tờ bản đồ số 08 của Nguyễn Duy L.
- Bắc giáp thửa 226, tờ bản đồ số 08 của Lâm Phương Điền và thửa 227, tờ bản đồ số 08 của Nguyễn Hữu Kh.

(Có họa đồ kèm theo)

Bà Phan Thị Kiều Ch được toàn quyền sử dụng, định đoạt đối với phần đất, nhà, công trình và toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa số 474, tờ bản đồ số 14, diện tích 532,1m² (bao gồm phần đất thửa 474 tách 1, diện tích 244,8m² và phần đất thửa 474 còn lại, diện tích 287,3m²), trong đó gồm 300m² đất ONT và 232,1m² đất CLN, phần đất tọa lạc xã PS, huyện Cl, tỉnh BT, có tứ cận:

- Bắc giáp đường.
- Đông giáp thửa 477 của Tống Như Ch.
- Nam giáp thửa 464 của Dương Văn R.
- Tây giáp thửa 614, 616, 617 của Nguyễn Văn V.

(Có họa đồ kèm theo)

Bà Phan Thị Kiều Ch được toàn quyền sử dụng, định đoạt toàn bộ căn nhà và công trình hàng rào, cổng rào nằm trên phần đất thuộc thửa số 474, tờ bản đồ số 14, tọa lạc xã PS, huyện Cl, tỉnh BT, nhà có kết cấu:

Nhà có kết cấu khung bê tông cốt thép, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, mái lợp tole fibrô ximăng; trần thạch cao, tỉ lệ chất lượng còn lại 60%. Diện tích nhà thể hiện trên bản vẽ.

1.2. Về nợ chung:

Ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Cl số tiền nợ gốc 80.000.000đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả xong khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 201791PS/HĐTD 7106-LAV20170241 ngày 09/5/2017.

Bà Phan Thị Kiều Ch có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Cl BT số tiền nợ gốc 80.000.000đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả xong khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 201791PS/HĐTD 7106-LAV20170241 ngày 09/5/2017.

Ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh BT - Phòng giao dịch huyện Cl số tiền nợ gốc 8.000.000đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả xong khoản nợ khi đến hạn trả nợ theo hợp đồng vay vốn số 6600000715068778 ngày 13/5/2019.

Ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T 05 (năm) chỉ vàng nhẫn 24kra.

Bà Phan Thị Kiều Ch có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T 05 (năm) chỉ vàng nhẫn 24kra.

Bà Phan Thị Kiều Ch có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị H số tiền 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng)

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị Th do bà Th tự nguyện rút đơn khởi kiện.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị K do bà K tự nguyện rút đơn khởi kiện.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn S tự nguyện chịu án phí đối với phần đất ông được nhận có diện tích 2917,9m² thuộc thửa 242, tờ bản đồ số 08 xã PS, huyện Cl, tỉnh BT; chịu án phí đối với số tiền ông phải trả nợ cho Agribank, Ngân hàng Chính Sách xã hội Việt Nam; chịu án phí đối với 05 (năm) chỉ vàng nhẫn 24kra ông có trách nhiệm trả cho bà T tự (giá vàng tạm tính 5.560.000đồng/1 chỉ). Tổng giá trị tài sản ông S nhận là 1.167.160.000đồng (2917,9m² x 400.000đ/m²) và tổng số tiền nợ ông S phải trả là 115.800.000đồng.

Số tiền án phí ông S phải nộp là:

23.507.400đồng (án phí đối với tài sản) + 2.895.000đồng (án phí đối với nợ) = 26.402.400đồng.

Nhưng được trừ vào số tiền 7.500.000đồng mà ông đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008444 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cl.

Số tiền ông S còn phải nộp thêm là: 18.902.400đ (mười tám triệu chín trăm lẻ hai nghìn bốn trăm đồng).

Bà Phan Thị Kiều Ch tự nguyện chịu án phí đối với phần đất bà được nhận có diện tích 532,1m² thuộc thửa 474, tờ bản đồ số 14 xã PS, huyện Cl, tỉnh BT; chịu án phí đối với giá trị căn nhà trên thửa đất 474, tờ bản đồ số 14 xã PS, huyện Cl, tỉnh BT bà được nhận; chịu án phí đối với số tiền bà phải trả nợ cho Agribank, chịu án phí đối với 05 (năm) chỉ vàng nhẫn 24kra bà có trách nhiệm trả cho bà T tự (giá vàng tạm tính 5.560.000đồng/1 chỉ); chịu án phí đối với số tiền 95.000.000đồng mà bà phải trả cho bà Huệ.

Tổng giá trị tài sản bà Ch được nhận là: 1.963.213.312đồng.

Tổng số tiền nợ bà Ch phải trả là: 202.800.000đồng.

Số tiền án phí bà Ch phải nộp là:

35.448.000đồng (án phí đối với tài sản) + 5.070.000đồng (án phí đối với nợ) = 40.518.000đồng.

Nhưng được trừ vào số tiền 11.500.000đồng mà bà Ch đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001608 ngày 21/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cl.

Số tiền bà Ch còn phải nộp thêm là: 29.018.000đ (hai mươi chín triệu không trăm mười tám nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000đ (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004476 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cl.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004475 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cl.

Hoàn trả lại cho bà Dương Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.058.000đ (ba triệu không trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004474 ngày 21/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cl.

1.4. Chi phí tố tụng: Ông S, bà Ch mỗi người tự nguyện $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng gồm chi phí thu thập chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 4.083.000đồng. Ông S, bà Ch đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Văn S, bà Phan Thị Kiều Ch và các đương sự có quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện theo Quyết định của Tòa án.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cl;
- Chi cục THADS huyện Cl;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA + VP.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên và đóng dấu)